

DN-BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		100,486,782,461	98,753,292,976
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		17,214,326,389	12,632,114,392
1. Tiền	111	5	17,214,326,389	12,632,114,392
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7,429,926,923	7,235,095,882
1. Đầu tư ngắn hạn	121		13,288,441,464	15,928,240,600
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129		(5,858,514,541)	(8,693,144,718)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51,704,726,227	49,512,751,586
1. Phải thu của khách hàng	131		50,256,471,659	47,052,345,892
2. Trả trước cho người bán	132		892,957,460	1,133,648,260
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	6	569,174,605	1,340,634,931
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(13,877,497)	(13,877,497)
IV. Hàng tồn kho	140	7	22,125,543,648	19,523,986,057
1. Hàng tồn kho	141		22,125,543,648	19,523,986,057
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,012,259,274	9,849,345,059
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,000,516,837	824,685,152
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1,011,742,437	9,024,659,907
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		86,194,086,748	83,363,612,053
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		41,930,886,340	42,002,956,242
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	11,243,858,888	10,839,008,366
- Nguyên giá	222		34,447,759,291	33,625,026,675
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(23,203,900,403)	(22,786,018,309)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	8,171,614,500	8,171,614,500
- Nguyên giá	228		8,171,614,500	8,171,614,500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản	230	11	22,515,412,952	22,992,333,376
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	33,793,861,003	33,793,861,003
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		21,600,000,000	21,600,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		12,193,861,003	12,193,861,003
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		10,469,339,405	7,566,794,808
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		10,380,935,405	7,478,390,808
2. Tài sản thuê thu nhập hoàn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		88,404,000	88,404,000
4. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100 + 200)	270		186,680,869,209	182,116,905,029

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		21,435,405,697	21,314,170,757
I. Nợ ngắn hạn	310		21,223,870,363	21,137,569,895
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		4,475,605,120	
2. Phải trả cho người bán	312		4,631,524,994	10,061,920,620
3. Người mua trả tiền trước	313		303,292,640	49,725,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	4,848,070,580	4,002,607,263
5. Phải trả người lao động	315		1,092,726,101	1,429,721,937
6. Chi phí phải trả	316	13	90,615,860	209,690,907
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	5,088,338,739	4,407,214,442
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		693,696,329	976,689,726
II. Nợ dài hạn	330	15	211,535,334	176,600,862
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		110,000,000	107,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		101,535,334	69,600,862
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		161,549,952,472	157,107,959,719
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	161,549,952,472	157,107,959,719
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70,000,000,000	70,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		54,102,373,080	54,102,373,080
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(6,892,740,100)	(6,892,740,100)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		22,001,562,938	22,001,562,938
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,062,920,532	3,062,920,532
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19,275,836,022	14,833,843,269
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
III. Lợi ích cổ đông tối thiểu	439		3,695,511,040	3,694,774,553
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300 + 400)	440		186,680,869,209	182,116,905,029

Ngày tháng năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP CN THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

ĐỊA CHỈ: YÊN NGHĨA - HÀ ĐÔNG - HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ I NĂM TÀI CHÍNH 2012

MẪU SỐ : Q-03D

DN-BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH QUÍ

Đơn vị tính: ĐồngVN

CHỈ TIÊU	MÃ CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	QUÝ NÀY NĂM NAY	QUÝ NÀY NĂM TRƯỚC	SỐ LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY (NĂM NAY)	SỐ LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY (NĂM TRƯỚC)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		34,380,626,214	57,411,409,407	34,380,626,214	57,411,409,407
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		93,962,818	26,600,000	93,962,818	26,600,000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		34,286,663,396	57,384,809,407	34,286,663,396	57,384,809,407
4. Giá vốn hàng bán	11		30,001,253,551	49,152,386,422	30,001,253,551	49,152,386,422
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4,285,409,845	8,232,422,985	4,285,409,845	8,232,422,985
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1,161,830,128	1,921,661,776	1,161,830,128	1,921,661,776
7. Chi phí tài chính	22		(1,951,765,460)	1,220,753,072	(1,951,765,460)	1,220,753,072
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>30,181,627</i>	<i>66,320,702</i>	<i>30,181,627</i>	
8. Chi phí bán hàng	24		312,320,406	412,751,320	312,320,406	412,751,320
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,537,097,756	1,903,938,198	1,537,097,756	1,903,938,198
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		5,549,587,271	6,616,642,171	5,549,587,271	6,616,642,171
11. Thu nhập khác	31		201,080,000	164,490,607	201,080,000	164,490,607
12. Chi phí khác	32		53,269,178	18,000,812	53,269,178	18,000,812
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		147,810,822	146,489,795	147,810,822	146,489,795
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết , liên doanh	45					
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5,697,398,093	6,763,131,966	5,697,398,093	6,763,131,966
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,254,668,853	1,493,282,992	1,254,668,853	1,493,282,992
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4,442,729,240	5,269,848,974	4,442,729,240	5,269,848,974
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		736,487		736,487	
18.2 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62		4,441,992,753		4,441,992,753	
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		668.9	752.8	668.9	752.8

Lập, ngày tháng năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ -PPTT-QUÝ

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		30,529,889,658	70,547,628,412
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		-28,151,447,573	-59,187,092,150
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-2,070,099,398	-3,779,787,650
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-30,181,627	-66,320,702
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			-1,201,856,331
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		31,916,787,820	206,034,100
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-30,263,086,634	-5,610,792,095
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1,931,862,246	907,813,584
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-39,880,000	-593,404,373
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		55,000,000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-2,164,170,728	-1,644,791,250
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		700,000,000	790,000,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-1,449,050,728	-1,448,195,623
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		4,704,713,120	12,566,409,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			-10,743,585,000
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4,704,713,120	1,822,824,000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		5,187,524,638	1,282,441,961
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12,026,801,751	35,224,018,545
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		17,214,326,389	36,506,460,506

Lập, ngày tháng năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÍ I Năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Công nghiệp Thương mại Sông Đà cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (công ty mẹ) và công ty con (gọi chung là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

của công ty mẹ : Công ty Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất - thương mại

3. Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất kinh doanh bao bì
Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa
Kinh doanh vật tư, vận tải,...
Khai thác chế biến quặng kim loại quý hiếm (trừ những loại nhà nước cấm);

4. Tổng số các công ty con : 01

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng	Xã Trường Sơn, thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình	75%	75%

6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012 Công ty có 180 nhân viên đang làm việc

NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty tính giá thành theo phương pháp phân bước có tính bán thành phẩm vì vậy chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí sản xuất kinh doanh tập hợp theo từng công đoạn hoàn thành, trong đó chi phí sản xuất chung được phân bổ theo số lượng vô bao sản xuất.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 5

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Quyền khai thác mỏ đá

Quyền khai thác mỏ đá là toàn bộ khoản tiền Công ty đã chi ra để có được quyền khai thác mỏ đá. Quyền khai thác mỏ đá được phân bổ theo thời gian khai thác của mỏ đá.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

15. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/03/2011 : 20.703 VND/USD

31/03/2012 : 20.828 VND/USD

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số 31/03/2012	Số đầu năm
Tiền mặt	673.296.037	8.096.304
Tiền gửi ngân hàng	4.174.030.352	1.757.018.088
Các khoản tương đương tiền		10.867.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	12.367.000.000	10.867.000.000
Cộng	17.214.326.389	12.632.114.392

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số 31/03/2012		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư Cổ phiếu ngắn hạn		13.288.441.463		15.928.240.600
Công ty CP Cung ứng nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Đà	12	-	12	-
Công ty CP Cảng Đoạn Xá	-	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	-	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	60	755.100	60	755.100
Công ty CP Chứng khoán SHB	4.000	40.000.000	4.000	40.000.000
Công ty CP Đầu tư và XD Sao mai tỉnh An Giang	19.930	400.460.347	20.000	401.866.882
Công ty CP Sông Đà 9	19.800	536.020.000	19.800	536.020.000
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	15.000	274.800.000	15.000	274.800.000
Công ty CP Thép Việt Ý	62.000	1.589.669.773	62.790	1.826.815.220
Công ty CP Nhựa và Môi trường An Phát	34.000	695.059.574	114.700	2.154.466.953
Tổng công ty xuất khẩu VN	28.000-	384.400.000-	-	-
Công ty CP Licogi 16	285.000	4.876.500.000	285.000	4.876.500.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long giang	20.000	412.620.499	20.000	412.620.499
Công ty CP Phân phối khí áp Dầu khí	-	-	-	-
Công ty CP Sông Đà 7	-	-	-	-
Công ty CP Phát triển Nhà Thủ Đức	55.000	1.856.134.279	65.620	2.223.190.000
Công ty CP Khai Khoáng và Cơ khí Hữu Nghị Vĩnh Sinh	91.300	1.086.394.244	91.300	1.138.385.946
Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương tín	20.000	432.500.000	20.000	432.500.000
Công ty CP Phát triển Đô thị Từ Liêm	40.000	1.135.627.646	56.720	1.610.320.000
Đầu tư ngắn hạn khác		-		-
Trái phiếu chuyển đổi SHB		-		-
Cộng		13.288.441.463		15.928.240.600

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- + Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư và XD Sao Mai tỉnh An Giang:
- Bán 70 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 1.680.000 VND.
- + Cổ phiếu Công ty CP Thép Việt Ý:
- Mua thêm 12.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 157.200.000 VND.
- Bán 12.790 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 196.966.000 VND.
- + Cổ phiếu Công ty CP Nhựa và Môi trường An Phát:
- Mua thêm 24.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 500.400.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Bán 104.700 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 2.117.670.000 VND.
- + Cổ phiếu Công ty CP Phát triển Nhà Thủ Đức:
- Bán 10.620 cổ phiếu với giá tương ứng số tiền là 178.416.000 VND.
- + Cổ phiếu Công ty CP Khai Khoáng và Cơ khí Hữu nghị Vĩnh Sinh:
- Mua thêm 10.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 67.000.000 VND.
- Bán 10.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 88.000.000 VND.
- + Cổ phiếu Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thường Tín:
- Mua thêm 20.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 432.500.000 VND.
- + Cổ phiếu Công ty CP Phát triển Đô thị Từ Liêm:
- bán 20.000 cổ phiếu với số tiền là 181.500.000 VND.
- + Cổ phiếu Tổng công ty XNK việt nam :
- Mua thêm 28.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 384.400.000 VND

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là khoản dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	(8.693.144.718)
Số hoàn nhập trong kỳ	2.834.630.177
Số đến 31/03/2012	(5.858.514.541)

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số 31/03/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dương Hồng	1.971.847.500	4.873.847.500
Công ty Xi măng Hoàng Thạch	308.246.400	308.246.400
Xí nghiệp Bao bì Vĩnh Tuy		-
Công ty Xi măng Chínfon	4.378.250.000	3.969.790.000
Công ty Cổ Phần Xi măng Hạ Long	2.947.514.590	1.319.253.830
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	12.910.296.400	12.910.296.400
Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long	12.205.001.910	7.167.898.960
Công ty Cổ phần XM Đồng Bành	7.405.171.000	8.004.876.480
Công ty Cổ phần XNK Thành Nam		1.675.000.000
Công ty Than Núi Hồng – Mỏ Việt Bắc		1.099.304.340
Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái	2.530.460.000	2.070.460.000
CTCP Phát triển Đô Thị Dầu Khí - PVC Mê Kông		758.034.420
Công ty TNHH SXKD TM an Phú	977.039.000	
Công ty CPTM hưng Phước	1.123.600.000	
Công ty giấy phương đông	694.604.086	
Công ty TNHH Thuận Lợi	368.500.000	
Công ty cổ phần vi Va C0	594.793.363	
Đối tượng khác	1.841.147.410	2.895.337.562
Cộng	50.256.471.659	47.052.345.892

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số 31/03/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội	11.000.000	35.750.000
Công ty Cổ phần Bao Bì Hoàng Hải	101.566.080	101.566.080

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số 31/03/2012	Số đầu năm
Công ty TNHH TMDV Nhựa Gia Phú		231.000.000
Công ty TNHH Đức Dung	183.735.000	70.000.000
Công Ty TNHH Đông Á	301.984.200	
Công ty cổ phần công nghệ OSB	70.950.000	
Ông Hoàng Quang Huy	30.000.000	30.000.000
Ông Hoàng Minh Tân		496.300.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đông Á	150.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Mô đá và vật liệu xây dựng		25.410.000
Đối tượng khác	43.722.180	43.622.180
Cộng	892.957.460	1.133.648.260

6. Các khoản phải thu khác

	Số 31/03/2012	Số đầu năm
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	42.010.953	36.751.110
Tiền góp vốn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại VTKS Xuân Minh	102.000.000	102.000.000
Tiền góp vốn Công ty TNHH Sơn Tùng(*)		-
Phạm Anh Tuấn - Tiền chuyển nhượng vốn	375.000.000	375.000.000
Lãi dự thu		16.322.833
Phải thu khoản tiền đã chuyển mua cổ phiếu HQC		-
Công ty CP Xi măng đá vôi Phú Thọ		-
Phải thu tiền cho Ông Chu Đức Trí vay	38.000.000	800.000.000
Các đối tượng khác	12.163.652	10.560.988
Cộng	569.174.605	1.340.634.931

(*) Là phần vốn đầu tư vào Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng nhưng chưa hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là dự phòng cho khoản công nợ quá hạn thanh toán trên 2 năm.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Số 31/03/2012	Số đầu năm
Số đầu năm	(13.877.497)	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(13.877.497)
Số cuối năm	(13.877.497)	(13.877.497)

8. Hàng tồn kho

	Số 31/03/2012	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	9.825.893.728	8.227.728.919
Công cụ, dụng cụ	114.012.944	114.012.944
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.500.806.594	8.026.927.284
Thành phẩm	3.684.830.863	1.575.724.595
Hàng gửi đi bán		1.579.592.315
Cộng	22.125.543.648	19.523.986.057

9. Tài sản ngắn hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số 31/03/2012	Số đầu năm
Tạm ứng	505.014.654	414.858.154
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	506.727.783	8.609.801.753
Cộng	1.011.742.437	9.024.659.907

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	8.468.791.171	23.367.232.359	1.291.552.684	474.700.461	22.750.000	33.625.026.675
Tăng trong kỳ				36.254.545		36.254.545
Mua trong kỳ				36.254.545		36.254.545
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành					-	
Tăng trong kỳ do hợp nhất kinh doanh		1.292.458.176				1.292.458.176
Giảm trong kỳ do thanh lý		(505.980.105)		-		(505.980.105)
Số đến 31/03	8.468.791.171	24.153.710.430	1.291.552.684	510.955.006	22.750.000	34.447.759.291

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	10.198.762.300	-	105.649.346	-	10.304.411.646
---	---	----------------	---	-------------	---	----------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	4.852.028.035	16.861.032.091	810.417.059	262.541.124	-	22.786.018.309
Tăng trong kỳ						
Khấu hao trong kỳ	167.290.227	665.540.695	64.577.634	26.453.643		923.862.199
Giảm trong kỳ do thanh lý		(505.980.105)				(505.980.105)
Số đến 31/03	5.019.318.262	17.020.592.681	874.994.693	288.994.767		23.203.900.403

Giá trị còn lại	3.616.763.136	6.506.200.268	481.135.625	212.159.337	22.750.000	10.839.008.366
Số đầu năm	3.616.763.136	6.506.200.268	481.135.625	212.159.337	22.750.000	10.839.008.366
Số đến 31/03	3.449.472.909	7.133.117.839	416.557.991	221.960.149	22.750.000	11.243.858.888

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	8.171.614.500	-	8.171.614.500
Tăng trong kỳ			
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số đến 31/03	8.171.614.500	-	8.171.614.500

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm	Tăng trong năm do hợp nhất kinh doanh	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Số đến 31/03
Mua sắm TSCĐ	11.067.948.699		1.592.275.803	981.818.181	11.678.406.321
XDCB dở dang	11.924.384.677			1.292.458.176	10.788.971.904
Khu nhà Văn phòng làm việc tại xã Mỹ Đình	48.034.727				48.034.727
Nhà làm việc 2 tầng	-				
Nhà kho mìn	294.822.708				294.822.708
Trạm điện	1.292.458.176			1.292.458.176	
Tiền thi công đường vào mỏ	79.026.957				79.026.957
Đường nội bộ trong mỏ (Bãi quay đầu xe)	506.837.405				506.837.405
Nhà bảo vệ	68.540.489				68.540.489
Quyền sử dụng mỏ đá	1.824.680.559				1.824.680.559
Nhà điều khiển	301.529.184				301.529.184
Xây tường chắn đất	404.563.311				404.563.311
Nhà thép	42.120.000				42.120.000
Kè đá tường chắn	88.628.703				88.628.703
Cộng	22.992.333.376		1.592.275.803	2.274.276.357	22.515.412.952

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số 31/03/2012		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Liên doanh cùng Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Địa chất ^(*)		21.600.000.000		21.600.000.000
Cộng		21.600.000.000		21.600.000.000

(*): Là khoản hợp tác đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 68/HĐKT/CT ngày 09/8/2010 ký giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất (Bên A) với Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà về việc đầu tư một dự án mới trên phần diện tích đất 15.000 m² nằm trong tổng thể 21.290 m² đất thuộc nhà máy xử lý nước thải do bên A làm chủ đầu tư, tại khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai - Hà Nội. Bên Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà chiếm 80% tỷ lệ vốn góp. Giá trị vốn góp từng đợt phù hợp với nhu cầu thực tế trong từng giai đoạn và nhu cầu thực tế triển khai dự án đầu tư. Hai bên thống nhất sẽ thành lập pháp nhân mới (là Công ty Cổ phần) để quản lý toàn bộ dự án trên vào một thời điểm thích hợp do bên B quyết định sau khi bàn bạc với bên A. Tại thời điểm 31/12/2011, dự án đang triển khai và chưa thành lập pháp nhân.

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số 31/03/2012		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
- Công ty Cổ phần Xi măng Đá vôi Phú Thọ	100.000	1.050.000.000	100.000	1.050.000.000
- Công ty Cổ phần Vinaconex 45	125.000	2.775.000.000	125.000	2.775.000.000
- Công ty Cổ phần Hicorp	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số 31/03/2012	Số đầu năm
	Số lượng	Số lượng
	Giá trị	Giá trị
Đầu tư dài hạn khác		
DNTN dịch vụ trồng rừng 327	1.907.402.003	1.907.402.003
Công ty Cổ phần Lộc Ninh	4.311.459.000	4.311.459.000
Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp STP	150.000.000	150.000.000
Cộng	12.193.861.003	12.193.861.003

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm do hợp nhất kinh doanh	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số 31/03/2012
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	278.838.872	56.693.454		55.998.802		279.533.524
Chi phí lập thiết kế mô và chi phí khác	-	3.045.818.181				3.045.818.181
Chi phí thuê đất	87.625.536			1.095.321		86.530.215
Quyền khai thác mỏ	7.078.850.000			126.693.750		6.952.156.250
Chi phí thiết kế Website	33.076.400			16.179.165		16.897.235
Cộng	7.478.390.808	3.102.511.635		199.967.038		10.380.935.405

16. Phải trả cho người bán

	Số 31/03/2012	Số đầu năm
Công ty TNHH lộc dung	215.160.000	-
Công ty CP Giấy Hoàng Văn Thụ	717.236.505	230.835.660
HTX Cổ phần Việt Nhật	276.583.355	476.583.355
Công ty CP DVTM VINAINVESTCO	109.560.000	-
Công ty TNHH Thành Dũng		778.100
Công ty TNHH SX giấy và BB Phương Đông		1.538.405.885
Công ty Cổ phần Đại Hữu		420.000.000
Công ty CP giấy Việt Trì	1.017.958.588	508.775.652
Công ty cổ phần hoá chất HP H phòng	437.100.000	-
Công ty TNHH Giấy Mỹ Hương	73.263.350	73.263.350
Công ty CP DVTM&VTtransco	123.143.160	-
Công ty TNHH công nghệ tự động kim cơ	101.767.971	
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung		2.939.854.040
Đối tượng khác	1.075.909.311	3.873.424.578
Cộng	4.475.605.120	10.061.920.620

17. Người mua trả tiền trước

	Số 31/03/2012	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Vật liệu	49.725.000	49.725.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số 31/03/2012	Số đầu năm
Công ty cổ phần thái dương	133.590.000	
Công ty TNHH Thành Nam phương	28.160.000	
Công ty CP SX tôn màu POSHACO	32.091.500	
Xuất khẩu	109.451.140	
Cộng	303.292.640	49.725.000

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Tăng trong năm do hợp nhất kinh doanh	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số 31/03/2012
Thuế GTGT hàng bán nội địa	541.025.948		41.889.847	582.915.795	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	704.819.520		1.687.503.305	1.555.682.893	836.639.932
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.617.489.839		1.254.668.853		3.872.158.692
Thuế thu nhập cá nhân	135.084.001		45.048.877	45.048.877	135.084.001
Thuế tài nguyên	1.395.955				1.395.955
Tiền thuê đất	-				
Các loại thuế khác	-		6.000.000	6.000.000	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.792.000				2.792.000
Cộng	4.002.607.263		3.032.110.882	2.186.647.565	4.848.070.580

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.694.453.144	6.763.131.966
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	24.222.268	
- Các khoản điều chỉnh tăng		
+) Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất	24.000.000	
+) Tiền phạt do nộp chậm thuế	222.268	
+) Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Các khoản điều chỉnh giảm	700.000.000	790.000.000
+) Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện 2008		
+) Cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư	700.000.000	500.000.000
+) Lãi đầu tư tài chính		
+) Cổ tức được chia từ các công ty niêm yết		290.000.000
Thu nhập chịu thuế	5.018.675.412	5.973.131.966
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	1.254.668.853	1.493.282.992
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị quyết số 30/2008 của chính phủ (30% thuế thu nhập phải nộp)		

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011	
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.254.668.853	546.136.889	
Các loại thuế khác			
Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.			
19. Chi phí phải trả			
	Số 31/03/2012	Số đầu năm	
Là khoản trích trước chi phí vận chuyển	74.615.860	158.054.545	
Tiền xi măng chưa xuất hóa đơn		51.636.362	
Chi thí thuê nhân công khai thác Cty HHI	16.000.000		
Cộng	90.615.860	209.690.907	
20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác			
	Số 31/03/2012	Số đầu năm	
Bảo hiểm thất nghiệp	8.991.488	7.097.217	
Kinh phí công đoàn	86.539.760	103.284.459	
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	88.183.527	88.183.527	
Tiền BHXH ,BHYT	20.317.702	-	
Vốn góp thừa của các thành viên(*)	4.186.868.500	3.731.868.500	
Cổ tức 2010 phải trả các cổ đông	7.962.000	7.962.000	
Kinh phí hoạt động công tác Đảng		31.846.677	
Ông Chu Đức Trí ứng tiền quy hoạch dự án		70.000.000	
Phải trả khác	689.475.762	366.972.062	
Cộng	5.088.338.739	4.407.214.442	
(*) Là phần vốn đầu tư vào Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng nhưng chưa hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ.			
21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	891.040.751	237.372.197	653.668.554
Quỹ phúc lợi	85.648.975	45.621.200	40.027.775
Cộng	976.689.726	282.993.397	693.696.329
22. Phải trả dài hạn khác			
Là khoản ký quỹ dài hạn.			
23. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			
	Số 31/03/2012	Năm trước	
Số đầu năm	69.600.862		
Số đã trích lập trong năm	37.607.472	160.961.474	
Số đã chi trong năm	(5.673.000)	(91.360.612)	
Số cuối năm	101.535.334	69.600.862	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	70.000.000.000	54.102.373.080	(6.892.740.100		22.001.562.938	3.062.920.532	14.833.843.269	157.107.959.719
Lợi nhuận quý I	-	-	-	-	-	-	4.441.992.753	4.441.992.753
Số dư cuối 31.03/12	70.000.000.000	54.102.373.080	(6.892.740.100)	-	22.001.562.938	3.062.920.532	19.275.836.022	161.549.952.472

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số 31/03/2012	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông, thành viên,...	70.000.000.000	70.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	54.102.373.080	54.102.373.080
Cổ phiếu quỹ	(6.892.740.100)	(6.892.740.100)
Cộng	117.209.632.980	117.209.632.980

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Số 31/03/2012	Năm trước
Cổ tức năm trước		6.632.838.000
Tạm ứng cổ tức năm nay		
Cộng		6.632.838.000

Cổ phiếu

	Số 31/03/2012	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.000.000	7.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.000.000	7.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	359.200	69.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	359.200	69.500
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.640.800	6.930.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.640.800	6.930.500
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

25. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Số 31/03/2012	Năm trước
Số đầu năm	-	
Vốn góp của cổ đông thiểu số	3.750.000.000	3.750.000.000
Giảm do chia lỗ cho cổ đông thiểu số	(54.448.960)	(55.225.447)
Số cuối năm	3.695.511.040	3.694.774.553

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu*****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011
Tổng doanh thu	34.380.626.214	57.411.409.407
- Doanh thu bán hàng hóa	7.962.610.228	34.972.430.260
- Doanh thu bán thành phẩm	26.418.015.986	22.438.979.147
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Giảm giá hàng bán	93.961.818	26.600.000
Doanh thu thuần	34,286,663,396	57.384.809.407
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	7.962.610.228	34.972.430.260
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	26.324.054.168	22.412.379.147
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ		-

2. Giá vốn hàng bán

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	7.722.850.459	32.111.355.116
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	22.278.403.092	17.041.031.306
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
Cộng	30.001.253.551	49.152.386.422

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011
Lãi tiền gửi không kỳ hạn		32.624.272
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	299.306.320	608.678.237
Cổ tức, lợi nhuận được chia		290.000.000
Lãi về kinh doanh chứng khoán	161.752.049	489.931.767
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		427.500
Lãi khoản đầu tư tài chính	700.000.000	500.000.000
Cộng	1.161.058.369	1.921.661.776

4. Chi phí tài chính

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011
Chi phí lãi vay	29.292.431	66.320.702
Lỗ kinh doanh chứng khoán	843.023.224	529.395.325
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	383.300	603.925.150
Phí giao dịch mua bán chứng khoán	8.387.370	21.111.895
Hoàn nhập dự phòng	(2.834.630.177)	
Cộng	(1.951.765.460)	1.220.753.072

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011
Chi phí nhân viên	30.600.000	136.021.320
Chi phí vận chuyển, tiếp thị	281.720.406	276.730.000
Cộng	312.320.406	412.751.320

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011
Chi phí nhân viên quản lý	714.672.328	1.230.412.017
Chi phí vật liệu quản lý	65.078.042	71.288.957
Chi phí đồ dùng văn phòng	41.953.580	46.446.393
Chi phí khấu hao TSCĐ	111.062.634	80.529.435
Thuế, phí và lệ phí	416.793.052	221.284.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.770.442	122.043.185
Chi phí bằng tiền khác	108.767.678	131.934.111
Cộng	1.537.097.756	1.903.938.198

7. Thu nhập khác

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011
Thu tiền bán tài sản	200.000.000	
Tiền phạt vi phạm quy chế công ty		1.830.425
Thu bán phế liệu		162.660.182
Thu nhập khác	1.080.000	
Cộng	201.080.000	164.490.607

8. Chi phí khác

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011
Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất	24.000.000	18.000.000
Phạt chậm nộp BH	222.268	
Chi phí khác	29.046.910	812
Cộng	53.269.178	18.000.812

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.439.784.291	5.269.848.974
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.640.800	6.930.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	668,9	752,8

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	6.640.800	6.930.500
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	6.640.800	6.930.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Theo các điều khoản trong Hợp đồng hợp tác đầu tư số 68/HĐKT/CT ngày 09/08/2010 ký với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất để đầu tư một dự án mới trên phần diện tích đất 15.000 m² nằm trong tổng thể 21.290 m² đất thuộc nhà máy xử lý nước thải do bên Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất làm chủ đầu tư, tại khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai - Hà Nội, Công ty cam kết sẽ góp 80% trong tổng vốn đầu tư của dự án là 45 tỷ đồng. Việc góp vốn này được thực hiện theo tiến độ thi công của dự án. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã góp được 21.600.000.000 VND.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: Chủ yếu là sản xuất bao bì xi măng các loại.
- Lĩnh vực kinh doanh: Chủ yếu là kinh doanh hạt nhựa các loại.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực kinh doanh	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	26.324.053.168	7.962.610.228	93.962.818	34.380.626.214
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.324.053.168	7.962.610.228	93.962.818	34.380.626.214
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	2.805.791.200	2.891.606.893		5.697.398.093
Doanh thu hoạt động tài chính	300.079.079	861.751.049		1.161.830.128
Chi phí tài chính	30.564.927	(1.982.330.387)		(1.951.765.460)
Thu nhập khác	201.080.000			201.080.000
Chi phí khác	24.222.268			24.222.268
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				1.254.668.853
)Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế TNDN				4.442.729.240

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực kinh doanh	Các khoản loại trừ	Cộng
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác</i>				
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>				

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực kinh doanh	Cộng
Số cuối quý			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	124.780.407.744	54.637.958.654	179.418.366.398
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận		7.262.502.811	7.262.502.811
Tổng tài sản			186.680.869.209

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực Hà Nội, khu vực Hải Phòng, khu vực Yên Bái, Hải Dương và Quảng Ninh. Thanh Hoá

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay
Khu vực Hà Nội	7.100.438.589
Khu vực Hải Phòng	14.786.877.400
Khu vực Yên Bái	960.000.000
Khu vực Hải Dương	
Khu vực Quảng Ninh	1.628.260.760
Khu vực khác	9.811.086.647
Cộng	34.286.663.396

Các chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận chỉ có tại khu vực Hà Nội

4. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Lập, ngày tháng năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Bé

Trần Đức Uyên